TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc ***"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Bé K, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp 8, xã A, thành phố CM, tỉnh Cà Mau;.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp 4, xã PTTB, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;

Chị K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Bé K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T xây dưng hôn nhân năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTTB, huyện P. Quá trình chung sống chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay, từ lúc ly thân đến nay chị và anh T không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nay chị xác định hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có một người con chung tên tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 08/7/2008, hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị K được ly hôn với anh T; giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 08/7/2008 cho chị K được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Mai Thị Bé K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T có địa chỉ thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh T là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T xây dựng hôn nhân năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo chị K trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, trong thời gian ly thân khoảng 01 năm nay mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác anh T đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân của chị K và anh T lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 08/7/2008. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hay mẹ phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt để đảm bảo cho con chung có điều kiện sống tốt nhất, từ khi chị K và anh T sống ly thân với nhau một thời gian dài chị K là người trực tiếp nuôi con, hơn nữa cháu Trắng cũng có nguyện vọng sống chung với chị K. Trên cơ sở cân nhắc về quyền lợi và nguyện vọng của con chưa thành niên, về điều kiện nuôi con của chị K, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 08/7/2008 cho chị K được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:* Chị Mai Thị Bé K phải nộp 300.000 đồng, anh T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Bé K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 08/7/2008 cho chị K được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị K phải nộp 300.000đ; chị K đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 ngày 21/6/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được

niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã PTTB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung